

Bản án số: 25/ 2020/ HS - ST
Ngày: 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/ 2020/TLST - HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Đức T, sinh ngày: 10/11/1987, tại: huyện Chợ Mới – tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố V, phường Ch, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Đức H và bà Hà Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/02/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 14 tháng (quyết định số 86/ 2018/QĐ - TA). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công từ ngày 02/5/2020 cho đến nay (Có mặt).

- Người bị hại: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Phố C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Phố C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm Th, xã H thị xã P, tỉnh Thái

Nguyễn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 02/5/2020, Hà Đức T đi bộ qua khu vực tổ dân phố 3, pH Phố Cò, thành phố Sông Công thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20M4-5368 của bà Phạm Thị H đang dừng trên hành lang đường, vẫn cắm chìa khóa điện. T dắt xe xuống đường thì có người dân phát hiện hô hoán và đuổi theo, T điều khiển xe bỏ chạy được khoảng 50m thì rẽ vào đường dân sinh và tiếp tục đi được khoảng 100m thì xe không đi được nữa. T dựng xe máy, rút chìa khóa xe, cho vào túi quần, rồi chạy bộ ra hướng đường kênh thủy lợi thuộc tổ dân phố Thanh Xuân 2, pH Phố Cò, thành phố Sông Công thì bị Công an pH Phố Cò cùng người dân đuổi kịp bắt giữ, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20M4-5368, 01 chìa khóa của xe mô tô, ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nookia 1280 màu đen đã qua sử dụng (*bút lục số 14 – 17*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Đức T khai nhận toàn bộ về diễn biến, nội dung sự việc diễn ra đúng như đã nêu ở phần trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại là bà H và những người làm chứng là ông Hùng, bà Mơ.

Tại kết luận định giá số 23/ KL – HĐĐGTS ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận: 01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, BKS 20M4-5368 có giá trị là 3.760.000 đồng (*bút lục số 23*).

Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20M4-5368 xác định chủ sở hữu là bà Phạm Thị H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Đối với chiếc điện thoại Nokia 1280 là của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà H đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi tH khoản nào.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/ QĐ - VKS ngày 11/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Hà Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hà Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T từ 12 đến 15 tháng tù, miễn

hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: không đề nghị xem xét; về án phí: đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng là đã nhận thức được lỗi lầm của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang; sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 456 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công đã ra Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn số 01 ngày 04/5/2020, áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án là phù hợp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Hà Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/5/2020, tại hành lang đường thuộc Khu vực Tổ dân phố 3, pH Phố Cò, thành phố Sông Công, Hà Đức T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20M4-5368 trị giá 3.760.000 đồng của bà Phạm Thị H, khi T dắt xe xuống đường thì bị người dân phát hiện, đuổi theo, T điều khiển xe bỏ chạy được khoảng hơn 100 mét thì xe không đi được nữa, T dựng xe máy để lại, đem theo chìa khóa xe chạy bộ đến đường kênh thủy lợi thuộc tổ dân phố Thanh Xuân 2, pH Phố Cò thì bị Công an pH đuổi kịp, bắt giữ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hà Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội, trật tự trị an tại địa phương.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo T sinh ra, lớn lên, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, bị cáo có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, về nhân thân, năm 2018 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù tính chất của vụ án ít nghiêm trọng, nhưng trong vụ án này bị cáo có nhân thân xấu, mới chấp hành xong quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc được một thời gian ngắn, lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần thiết phải xét xử bằng hình phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc đến tính chất của vụ án, nhân thân bị cáo và mức giá trị tài sản chiếm đoạt, để xét xử bị cáo mức án phạt tù phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: Quá trình điều tra, tài sản bị cáo trộm cắp là chiếc xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, BKS 20M4-5368 đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại là chủ sở hữu quản lý, sử dụng là đúng pháp luật. Đối với chiếc điện thoại di động đã thu giữ, không liên quan đến hành vi phạm tội, là tài sản cá nhân của bị cáo T, Cơ quan điều tra cũng đã trả lại cho bị cáo sử dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo T trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại là bà Phạm Thị H, bà H không có ý kiến yêu cầu đề nghị gì thêm, không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo T bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Các Điều 106, 136, 455, 456, 463, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hà Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Hà Đức T 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 5 năm 2020.

* Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Hà Đức T

3. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Hà Đức T 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hà Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Hà Đức T, vắng mặt người bị hại là bà Phạm Thị H.

Báo cho bị cáo T biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công (2b);
- Công an TP. Sông Công (3b);
- Bị cáo; Người bị hại;
- UBND pH Châu S, TP. Sông Công;
(*kèm TB Kq XX*);
- THA H.sự, D.sự (4b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; H.sự, VT.

Dương Văn Phong